

Số: 40/TB-THHTĐ

Hồng Thái Đông, ngày 5 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai Nội dung Nội dung Thông tư 36: Chất lượng học kì 2 năm học 2023-2024, Đội ngũ, CSVC; Các khoản thu dịch vụ năm học 2023-2024; Nghị quyết Hội đồng trường phiên họp thứ 4 năm học 2023 -2024; Quyết định đánh giá xếp loại Viên chức, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học, Thi đua khen thưởng năm học 2023 -2024

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 “Nghị định về thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập” của Chính Phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BGD&ĐT ngày 19/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Thông tư 28/2020/TT- BGDĐT ngày 04/09/2020 Thông tư ban hành Điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1355/PGD&ĐT ngày 25/08/2023 của Phòng GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học, năm học 2023-2024;

Căn cứ vào kế hoạch số 51/KH-THHTĐ ngày 29/8/2023 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023-2024;

Căn cứ kế hoạch số 64/KH-THHTĐ ngày 16/9/2023 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc Thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

Căn cứ kế hoạch số 46/KH-THHTĐ ngày 28/8/2023 của Trường TH Hồng Thái Đông về việc thực hiện công khai năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-THHTĐ ngày 05 tháng 06 năm 2024 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông về việc công khai Nội dung Thông tư 36: Chất lượng học kì 2 năm học 2023-2024, Đội ngũ, CSVC; Các khoản thu dịch vụ năm học 2023-2024; Nghị quyết Hội đồng trường phiên họp thứ 4 năm học 2023 -2024; Quyết định đánh giá xếp loại Viên chức, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học, Thi đua khen thưởng năm học 2023 -2024

I. Trường Tiểu học Hồng Thái Đông thông báo công khai Nội dung Thông tư 36: Chất lượng học kì 2 năm học 2023-2024, Đội ngũ, CSVC; Các khoản thu dịch vụ năm học 2023-2024; Nghị quyết Hội đồng trường phiên họp thứ 4

năm học 2023 -2024; Quyết định đánh giá xếp loại Viên chức, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học, Thi đua khen thưởng năm học 2023 -2024 cụ thể như sau:

1. Nội dung Thông tư 36: Chất lượng học kì 2 năm học 2023-2024, Đội ngũ, CSVC; Các khoản thu dịch vụ năm học 2023-2024;
2. Nghị quyết Hội đồng trường phiên họp thứ 4 năm học 2023 -2024;
3. Quyết định đánh giá xếp loại Viên chức, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học, Thi đua khen thưởng năm học 2023-2024;

II. Thời gian công khai: 30 ngày (từ ngày 05/06/2024 đến ngày 05/07/2024)

III. Địa điểm công khai: Bảng thông báo, trang web của nhà trường.

Trên đây là Thông báo công khai Nội dung Thông tư 36: Chất lượng học kì 2 năm học 2023-2024, Đội ngũ, CSVC; Các khoản thu dịch vụ năm học 2023-2024; Nghị quyết Hội đồng trường phiên họp thứ 4 năm học 2023 -2024; Quyết định đánh giá xếp loại Viên chức, Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học, Thi đua khen thưởng năm học 2023 -2024 của trường Tiểu học Hồng Thái Đông.

Nơi nhận:

- CBGV-NV(n/b);
- Lưu: HSKK.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Thúy Hằng

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG T.
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

QUYẾT TOÁN THU - CHI QUỸ NGOÀI THEO NĐ 34 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ- THHTĐ ngày 04/2024 của Trường tiểu học Hồng Thái Đông)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	500	500	0	500
1	Tiền tin học	-	0	0	0
2	Tiền thỏa thuận VCBĐ	-	0		0
3	Tiền ăn, ga, tiêu hao	-	0		0
4	Tiền CSBT				
5	Tiền nước	500	500		500
6	Tiền kỹ năng sống	-	0	0	0
7	Tiền trông giữ xe đạp	-	0	0	0
8	Tiền tiếng anh 1, 2				
9	Tiền tiếng anh NNN				
10	Tiền cấp dưỡng	-	0	0	0
B	Tổng số thu	3,276,105,040	3,276,105,040	0	3,276,105,040
1	Tiền tin học	138,973,500	138,973,500	0	138,973,500
2	Tiền thỏa thuận VCBĐ	33,400,000	33,400,000	0	33,400,000
3	Tiền ăn, ga, tiêu hao	1,459,724,000	1,459,724,000	0	1,459,724,000
4	Tiền CSBT	375,861,640	375,861,640	0	375,861,640
5	Tiền nước	90,904,000	90,904,000	0	90,904,000
6	Tiền kỹ năng sống	596,771,000	596,771,000	0	596,771,000
7	Tiền trông giữ xe đạp	22,455,000	22,455,000	0	22,455,000
8	Tiền tiếng anh 1, 2	100,534,500	100,534,500		100,534,500
9	Tiền tiếng anh NNN	205,184,000	205,184,000		205,184,000
10	Tiền cấp dưỡng	252,297,400	252,297,400	0	252,297,400
C	Chi từ nguồn thu được để lại	3,276,105,540	3,276,105,540	0	3,276,105,540
1	Tiền tin học	138,973,500	138,973,500	0	138,973,500
8	Tiền thỏa thuận VCBĐ	33,400,000	33,400,000	0	33,400,000
9	Tiền ăn, ga, tiêu hao	1,459,724,000	1,459,724,000	0	1,459,724,000
10	Tiền CSBT	375,861,640	375,861,640	0	375,861,640
11	Tiền nước	90,904,500	90,904,500	0	90,904,500

12	Tiền kỹ năng sống	596,771,000	596,771,000	0	596,771,000
13	Tiền trông giữ xe đạp	22,455,000	22,455,000	0	22,455,000
14	Tiền tiếng anh 1, 2	100,534,500	100,534,500	0	100,534,500
15	Tiền tiếng anh NNN	205,184,000	205,184,000		205,184,000
16	Tiền cấp dưỡng	252,297,400	252,297,400		252,297,400
D	Chênh lệch thu lớn hơn chi chuyển năm sau	0	0	0	0
1	Tiền tín học	0	0	0	
2	Tiền thỏa thuận VCBĐ	0	0	0	
3	Tiền ăn, ga, tiêu hao	0	0	0	
4	Tiền CSBT	0	0	0	
5	Tiền nước	0	0	0	
6	Tiền kỹ năng sống	0	0	0	
7	Tiền trông giữ xe đạp	0	0	0	
8	Tiền tiếng anh 1, 2	0	0	0	
9	Tiền tiếng anh NNN	0	0	0	
10	Tiền cấp dưỡng	0	0	0	

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thị Thúy Hằng

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒNG THÁI ĐÔNG

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, Cuối HKII năm học 2023- 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	897	175	158	175	207	182
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	897	175	158	175	207	182
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Năng lực						
	a. Tự phục vụ, tự quản	182					182
	Chia ra: - Tốt	149					149
	- Đạt	42					42
	- Cần cố gắng	0					0
	b. Giao tiếp, hợp tác	182					182
	Chia ra: - Tốt	139					139
	- Đạt	43					43
	- Cần cố gắng	0					0
	c. Tự học và giải quyết vấn đề	182					182
	Chia ra: - Tốt	128					128
	- Đạt	54					54
	- Cần cố gắng	0					0
2	Phẩm chất						
	a. Chăm học, chăm làm	182					182
	Chia ra: - Tốt	134					134
	- Đạt	48					48
	- Cần cố gắng	0					0
	b. Tự tin, trách nhiệm	182					182
	Chia ra: - Tốt	134					134
	- Đạt	48					48
	- Cần cố gắng	0					0
	c. Trung thực, kỷ luật	182					182
	Chia ra: - Tốt	143					143
	- Đạt	39					39
	- Cần cố gắng	0					0
	d. Đoàn kết, yêu thương	182					182
	Chia ra: - Tốt	147					147

	- Đạt	35					35
	- Cần cố gắng	0					0
*	Về năng lực chung						
	1. Tự chủ và tự học	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	538	142	117	128	151	
	- Đạt	177	33	41	47	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	2. Giao tiếp, hợp tác	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	542	146	117	128	151	
	- Đạt	173	29	41	47	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	543	149	117	127	150	
	- Đạt	172	26	41	48	57	
	- Cần cố gắng	0				0	
*	Về năng lực đặc thù						
	1. Ngôn ngữ	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	542	145	117	129	151	
	- Đạt	172	29	41	46	56	
	- Cần cố gắng	1	1			0	
	2. Tính toán	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	540	145	117	127	151	
	- Đạt	175	30	41	48	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	3. Khoa học	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	541	144	117	128	152	
	- Đạt	174	31	41	47	55	
	- Cần cố gắng	0				0	
	4. Công nghệ	382			175	207	
	Chia ra: - Tốt	282			128	154	
	- Đạt	100			47	53	
	- Cần cố gắng	0				0	
	5. Tin học	382			175	207	
	Chia ra: - Tốt	280			128	152	
	- Đạt	102			47	55	
	- Cần cố gắng	0				0	
	6. Thẩm mỹ	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	547	150	117	128	152	
	- Đạt	168	25	41	47	55	

	- Cần cố gắng	0				0	
	7. Thể chất	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	548	150	117	128	153	
	- Đạt	167	25	41	47	54	
	- Cần cố gắng	0				0	
*	Về phẩm chất chủ yếu						
	1. Yêu nước	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	561	151	122	137	151	
	- Đạt	154	24	36	38	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	2. Nhân ái	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	556	147	122	137	150	
	- Đạt	159	28	36	38	57	
	- Cần cố gắng	0				0	
	3. Chăm chỉ	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	552	148	116	137	151	
	- Đạt	163	27	42	38	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
	4. Trung thực	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	562	151	124	137	150	
	- Đạt	153	24	34	38	57	
	- Cần cố gắng	0				0	
	5. Trách nhiệm	715	175	158	175	207	
	Chia ra: - Tốt	560	154	118	137	151	
	- Đạt	155	21	40	38	56	
	- Cần cố gắng	0				0	
*	Xếp loại GD	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - HTXS	331	84	64	51	73	59
	- HTT	279	47	40	67	73	52
	- HT	286	43	54	57	61	71
	- CHT	1	1			0	0
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
	1. Tiếng Việt	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	696	146	135	152	177	86
	- Hoàn thành	200	28	23	23	30	96
	- Chưa hoàn thành	1	1			0	0
	2. Toán	897	175	158	175	207	182

	Chia ra: - Hoàn thành tốt	716	169	138	136	191	82
	- Hoàn thành	181	6	20	39	16	100
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	3.Khoa học	389				207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	355	x	x	x	198	157
	- Hoàn thành	34	x	x	x	9	25
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
	4.Lịch sử & Địa lý	389				207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	302	x	x	x	195	107
	- Hoàn thành	87	x	x	x	12	75
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	0	0
	5. Ngoại ngữ	564			175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	424			159	171	94
	- Hoàn thành	140			16	36	88
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	6.Tiếng dân tộc		x	x	x	x	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt		x	x	x	x	x
	- Hoàn thành		x	x	x	x	x
	- Chưa hoàn thành		x	x	x	x	x
	7.Tin học	564			175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	468	x	x	155	195	118
	- Hoàn thành	96	x	x	20	12	64
	- Chưa hoàn thành	0	x	x		0	0
	8.Đạo đức	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	702	142	123	142	158	137
	- Hoàn thành	195	33	35	33	49	45
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	9.Tự nhiên và Xã hội	508	175	158	175	x	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	399	138	119	142	x	x
	- Hoàn thành	109	37	39	33	x	x
	- Chưa hoàn thành	0				x	x
	10.Âm nhạc	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	660	138	117	129	153	123
	- Hoàn thành	237	37	41	46	54	59
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	11.Mĩ thuật	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	669	138	120	133	155	123
	- Hoàn thành	228	37	38	42	52	59

	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	12. Kỹ thuật	182	x	x	x	x	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	140	x	x	x	x	140
	- Hoàn thành	42	x	x	x	x	42
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	x	x	0
	13. Hoạt động trải nghiệm	715	175	158	175	207	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	564	146	119	144	155	x
	- Hoàn thành	143	29	31	31	52	x
	- Chưa hoàn thành	0				0	x
	14. Thể dục/GDTC	897	175	158	175	207	182
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	692	138	120	132	160	142
	- Hoàn thành	205	37	38	43	47	40
	- Chưa hoàn thành	0				0	0
	15. Công nghệ	382	x	x	175	207	x
	Chia ra: - Hoàn thành tốt	455	x	x	256	199	x
	- Hoàn thành	27	x	x	19	8	x
	- Chưa hoàn thành	0	x	x	0	0	x
V	Tổng hợp kết quả cuối năm		x	x	x	x	x
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	896	174	158	175	207	182
	HS ở lại lớp	1	1	0	0	0	0
2	Khen thưởng	608	129	104	118	146	111
a	Chia ra: - HS XS (HS XS trong học tập và rèn luyện)	331	84	64	51	73	59
b	- HS Tiêu biểu (HS khen từng mặt)	277	45	40	67	73	52

Hồng Thái Đông, ngày 01 tháng 06 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Đương Thị Thuý Hằng